

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CẤP TÍN DỤNG XANH TẠI CÁC NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NIÊM YẾT Ở VIỆT NAM

Ths. Nguyễn Minh Ánh* - TS. Nguyễn Hữu Tân**

Nghiên cứu được tiến hành nhằm xác định các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định cấp tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết ở Việt Nam. Dựa vào phương pháp phân tích dữ liệu EFA và hồi quy tuyến tính OLS, kết quả cho thấy các nhân tố: nhận thức lãnh đạo, chính sách pháp lý, năng lực tài chính, năng lực thẩm định, kỳ vọng lợi nhuận và áp lực bên ngoài đều có ảnh hưởng đến quyết định cấp tín dụng xanh. Nghiên cứu đóng góp cơ sở thực tiễn cho việc hoạch định chính sách và phát triển chiến lược phát triển tín dụng xanh trong ngành ngân hàng Việt Nam.

• Từ khóa: tín dụng xanh, cấp tín dụng xanh, ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết.

This study was conducted to identify the factors influencing the decision to grant green credit at listed joint-stock commercial banks in Vietnam. Based on Exploratory Factor Analysis (EFA) and Ordinary Least Squares (OLS) regression, the results reveal that factors such as leadership awareness, legal policy, financial capacity, appraisal capacity, profit expectations, and external pressure all have an impact on green credit decision-making. The study provides practical insights that can serve as a foundation for policy formulation and strategic development of green credit in the Vietnamese banking sector.

• Key words: green credit, green credit issuance, listed joint-stock commercial bank.

Ngày nhận bài: 04/5/2025

Ngày gửi phản biện: 10/6/2025

Ngày chấp nhận đăng: 30/9/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i298.04>

1. Giới thiệu

Tài chính xanh (Green Finance) đang trở thành một xu thế tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hóa các nỗ lực ứng phó với biến đổi khí hậu và suy giảm tài nguyên. Trong số các công cụ tài chính hỗ trợ chiến lược này, tín dụng xanh giữ vị trí quan trọng hàng đầu, đóng vai trò là kênh tài trợ cho các dự án thân thiện với môi trường, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh tại nhiều quốc gia. Chính phủ đã ban hành Chiến lược Quốc gia về Tăng trưởng xanh và cam kết đạt mức phát thải ròng bằng 0 (net-zero) vào năm 2050. Trong bối cảnh đó, các ngân hàng

thương mại cổ phần niêm yết (NHTMCPNY) với vai trò là nhóm chủ lực trong hệ thống tài chính Việt Nam đang đứng trước áp lực kép: vừa phải đảm bảo hiệu quả kinh doanh cho cổ đông, vừa phải thực hiện các định hướng chiến lược quốc gia, trong đó có lộ trình phát triển tài chính xanh theo định hướng của NHNN. Việc nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định cấp tín dụng xanh tại các NHTMCPNY ở Việt Nam vì thế mang ý nghĩa đặc biệt quan trọng, không chỉ giúp làm sáng tỏ cơ chế ra quyết định tín dụng trong bối cảnh tài chính bền vững, nghiên cứu còn góp phần nhận diện các rào cản và động lực đối với hành vi cấp vốn tín dụng xanh trong thực tiễn ngân hàng. Trên cơ sở đó, kết quả nghiên cứu được kỳ vọng sẽ cung cấp luận cứ khoa học cho việc xây dựng chiến lược tín dụng xanh phù hợp với đặc thù ngành ngân hàng, đồng thời hỗ trợ NHNN trong quá trình hoạch định và hoàn thiện chính sách thúc đẩy tài chính xanh tại Việt Nam một cách đồng bộ, hiệu quả và bền vững.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Trong nghiên cứu của Christophers (2017) và Koju et al. (2018), tín dụng xanh được hiểu là việc các ngân hàng cung cấp nguồn vốn tín dụng cho các hoạt động không gây hại hoặc có tác dụng bảo vệ môi trường. Theo đó, hình thức tín dụng này bao gồm các khoản vay, tài trợ vốn và các công cụ tài chính khác có tính đến tác động môi trường và hướng tới tính bền vững sinh thái. Nguyễn Quốc Huy (2023) cho rằng “tín dụng xanh có thể hiểu

* Trường Đại học Tài chính Ngân hàng Hà Nội; email: nguyenminhanh@fbu.edu.vn

** Học viện Tài chính; email: nguyenhuutan@hvtc.edu.vn

là tín dụng của ngân hàng đối với các dự án thân thiện với môi trường và từ chối các dự án gây ô nhiễm môi trường”. Vì vậy, theo tác giả, tín dụng xanh là khoản tín dụng mà ngân hàng cấp cho các dự án sản xuất kinh doanh không tiềm ẩn rủi ro hoặc nhằm mục đích bảo vệ môi trường xã hội. Việc đánh giá tính chất “xanh” của một dự án thường dựa trên các tiêu chí do ngân hàng hoặc cơ quan chức năng xây dựng.

Tổng hợp từ các nghiên cứu trước đây cho thấy, việc ra quyết định cấp tín dụng xanh có thể được xem như một dạng hành vi tổ chức, chịu ảnh hưởng đồng thời bởi các yếu tố về nhận thức, cấu trúc tổ chức, năng lực kỹ thuật, động lực tài chính và trách nhiệm xã hội. Các yếu tố này không hoạt động một cách biệt lập, mà thường tương tác và bổ trợ lẫn nhau, từ đó tạo ra mức độ khác nhau về sự sẵn sàng áp dụng tín dụng xanh tại mỗi ngân hàng. Từ góc nhìn lý thuyết và thực tiễn, các nghiên cứu quốc tế như UNEP FI (2018), Campiglio (2016), và Mirza et al. (2023) đều cho thấy rằng quyết định cấp tín dụng xanh của ngân hàng chịu ảnh hưởng bởi ít nhất ba nhóm yếu tố: (1) năng lực và nhận thức của cán bộ tín dụng; (2) kỳ vọng lợi ích tài chính và các rủi ro ESG; (3) môi trường thể chế và chính sách nội bộ của ngân hàng.

2.2. Xây dựng giả thuyết

H1: Nhận thức của lãnh đạo

Nhận thức của lãnh đạo giữ vai trò then chốt trong việc thúc đẩy triển khai tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết. Theo Han, Wang và Yan (2019), lãnh đạo cần cân bằng lợi ích các bên liên quan để ra quyết định hợp lý, góp phần xây dựng lòng tin và phát triển bền vững. Sự cam kết này không chỉ định hình văn hóa tổ chức mà còn ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả thực hiện các chính sách tín dụng xanh.

H2: Năng lực tài chính của ngân hàng

Một số ngân hàng lớn đã xây dựng được khung quản trị rủi ro ESG và bố trí quỹ tín dụng riêng cho các dự án xanh. Tuy nhiên, nhiều ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết quy mô vừa và nhỏ vẫn gặp khó khăn trong việc huy động vốn dài hạn, đánh giá kỹ thuật xanh và chấp nhận mức rủi ro thấp hơn kỳ vọng lợi nhuận ngắn hạn. Theo Borghers & Pownall (2014), năng lực tài chính phản ánh khả năng ngân hàng huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính từ xã hội để phát triển các sản phẩm và dự án thân thiện với môi trường, qua

đó thể hiện mức độ sẵn sàng trong thực hiện tài chính xanh.

H3: Năng lực thẩm định tín dụng xanh

Việc triển khai tín dụng xanh hiệu quả đòi hỏi đội ngũ cán bộ tín dụng phải có kỹ năng đánh giá rủi ro môi trường xã hội, nắm vững tiêu chí lựa chọn dự án xanh, và tích hợp thành thạo các yếu tố ESG vào quy trình thẩm định tín dụng. Năng lực thẩm định tín dụng xanh đóng vai trò thiết yếu trong việc hiện thực hóa các chính sách tín dụng xanh tại ngân hàng. Nghiên cứu của Zhang và Zhou (2023) ứng dụng mô hình chênh lệch kép (DID) cho thấy hướng dẫn về tín dụng xanh tại Trung Quốc đã cải thiện hiệu suất năng lượng của các doanh nghiệp tham gia thí điểm, khẳng định vai trò quan trọng của công tác thẩm định và hỗ trợ tài chính đối với các dự án thân thiện môi trường. Do đó, nâng cao năng lực thẩm định tín dụng xanh là yếu tố cốt lõi giúp ngân hàng quản trị rủi ro hiệu quả và thúc đẩy tài chính bền vững.

H4: Sự hỗ trợ từ chính sách và pháp lý

Khung pháp lý đóng vai trò nền tảng trong việc thúc đẩy sự phát triển của ngân hàng xanh, Ngân hàng xanh không chỉ triển khai các hoạt động nội bộ nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường như tiết kiệm năng lượng, nước và xử lý chất thải, mà còn góp phần tạo ảnh hưởng tích cực thông qua việc mở rộng tín dụng cho các dự án thân thiện với môi trường (Wang & Zhia, 2016). Do đó, việc hoàn thiện khung pháp lý, tháo gỡ các rào cản từ thị trường và tạo điều kiện thuận lợi cho tín dụng xanh là yêu cầu cấp thiết để thực hiện hiệu quả Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh tại Việt Nam.

H5: Kỳ vọng lợi nhuận

Hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững là những mục tiêu cốt lõi trong hoạt động của các ngân hàng. Do đó, quyết định cấp tín dụng thường chỉ được đưa ra khi lợi nhuận kỳ vọng vượt trội so với mức độ rủi ro liên quan. Trong tín dụng xanh, mối quan hệ giữa rủi ro và lợi nhuận trở nên phức tạp hơn do đặc thù của các dự án xanh như chu kỳ đầu tư dài, thời gian hoàn vốn chậm, khó đo lường hiệu quả tài chính trong ngắn hạn, và tiềm ẩn nhiều loại rủi ro phi truyền thống như rủi ro môi trường, xã hội và chính sách (OECD, 2017). Tuy nhiên, các nghiên cứu của Li & Liu (2023) và Zhang & Wang (2023) cho thấy rằng nếu ngân hàng nhận định lợi nhuận dài hạn tiềm năng vượt

qua rủi ro dự báo, thì khả năng ra quyết định cấp tín dụng xanh sẽ tăng lên rõ rệt.

H6: Áp lực từ bên ngoài

Trong bối cảnh tài chính bền vững đang trở thành xu hướng toàn cầu, các NHTMCPNY không chỉ chịu ràng buộc bởi khuôn khổ pháp lý và mục tiêu lợi nhuận, mà còn đối mặt với nhiều áp lực bên ngoài trong việc định hướng và triển khai tín dụng xanh. Báo cáo của UNEP FI (2018) nhấn mạnh vai trò của các “external drivers” như yêu cầu minh bạch hóa thông tin, tiêu chuẩn ESG, và xu hướng quốc tế hóa các quy định tài chính, khiến nhiều ngân hàng phải tích hợp yếu tố ESG vào quy trình thẩm định tín dụng. Nghiên cứu của Zhang et al. (2023) tại Trung Quốc cho thấy các doanh nghiệp chịu tác động từ chính sách và truyền thông có xu hướng đẩy mạnh đổi mới xanh, từ đó tạo ảnh hưởng ngược lại đến các tiêu chuẩn phê duyệt tín dụng của ngân hàng.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu chính thức được tiến hành để kiểm tra các nhân tố tác động đến quyết định cấp tín dụng xanh của 19 ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết ở Việt Nam. Với các biến quan sát được đưa vào bảng câu hỏi, các biến được đo bằng thang đo Likert 5 mức độ (1 - Hoàn toàn không đồng ý; 2 - Không đồng ý; 3 - Trung lập; 4 - Đồng ý và 5 - Hoàn toàn đồng ý). Theo Hair et al (2009) cỡ mẫu tối thiểu được xác định theo quy tắc 5 đến 10 mẫu quan sát cho mỗi biến đo lường trong mô hình phân tích yếu tố. Với mô hình nghiên cứu gồm khoảng 6 biến độc lập và phụ thuộc chính, mỗi biến có từ 4 đến 5 chỉ báo, số lượng quan sát tối thiểu cần thiết là từ 150 đến 200 người trả lời hợp lệ. Trên thực tế, tác giả đã tiến hành phát ra tổng cộng 250 phiếu khảo sát cán bộ ngân hàng và thu về 231 phiếu hợp lệ (92,4%), có 19 phiếu không hợp lệ bị loại bỏ.

Trong nghiên cứu này, tác giả sử dụng quy trình kiểm định mô hình đo lường thông qua SPSS với quy trình: (1) Thống kê mô tả các biến, (2) Kiểm định độ tin cậy của thang đo; (3) Phân tích nhân tố khám phá EFA; (4) Phân tích hồi quy OLS bằng phần mềm SPSS phiên bản 21.

2.4. Các biến trong mô hình

Mô hình hồi quy tuyến tính:

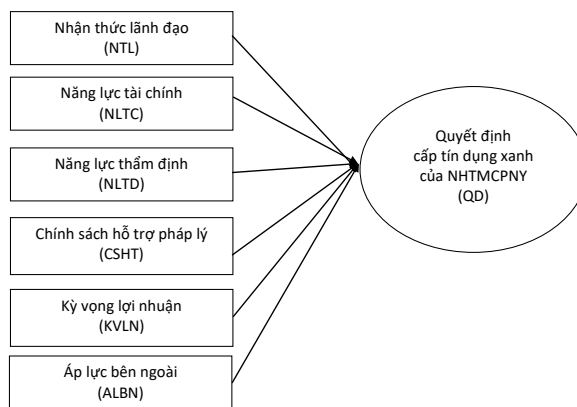
$$QD_i = \beta_0 + \beta_1 NTL_i + \beta_2 NLTC_i + \beta_3 NLTD_i + \beta_4 CSHT_i + \beta_5 KVLN_i + \beta_6 ALBN_i + \varepsilon_i$$

Trong đó:

QD: Quyết định cấp tín dụng xanh của NHTMCPNY

ε : Sai số ngẫu nhiên

Hình 1. Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Tác giả nghiên cứu

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thống kê mô tả mẫu về các yếu tố tác động

Thống kê mô tả mẫu về các yếu tố tác động được thể hiện trong bảng 1.

Bảng 1. Mẫu thông tin nghiên cứu

Thông tin mẫu	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Giới tính	231	100,00
Nam	118	51,08
Nữ	113	48,92
Vị trí công tác	231	100,00
Quản lý cấp cao	19	8,23
Cán bộ thẩm định	112	48,48
Cán bộ tín dụng	90	38,96
Khác	10	4,33
Thâm niên công tác	231	100,00
Dưới 3 năm	73	31,60
Từ 3-5 năm	95	41,13
Từ 5-10 năm	42	18,18
Trên 10 năm	21	9,09

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả

Bảng 1 cho thấy mẫu nghiên cứu là 231 với sự phân bố như sau: Về giới tính, nam giới chiếm 51,08% và nữ giới chiếm 48,92%, cho thấy sự phân bố khá cân bằng. Xét theo vị trí công tác, cán bộ thẩm định chiếm tỷ lệ cao nhất (48,48%), tiếp theo là cán bộ tín dụng (38,96%), quản lý cấp cao (8,23%) và các vị trí khác (4,33%). Về thâm niên làm việc, phần lớn người tham gia có từ 5 năm kinh nghiệm trở lên (41,13%), theo sau là nhóm có kinh nghiệm làm việc dưới 3 năm (31,6%) trong đó nhóm từ 5 đến 10 năm chiếm 18,18% và trên 10 năm chiếm 9,09%.

3.2. Kết quả kiểm định thang đo

Bảng 2: Kết quả kiểm định thang đo

Nhân tố	Mã hóa	Số lượng biến quan sát	Hệ số Cronbach's alpha
Nhận thức lãnh đạo	NTL	5	0,863
Năng lực tài chính	NLTC	5	0,762
Năng lực thẩm định	NLTD	5	0,764
Chính sách hỗ trợ	CSHT	5	0,846
Kỳ vọng lợi nhuận	KBLN	5	0,751
Áp lực từ bên ngoài	ALBN	5	0,818

Nguồn: Phân tích từ phần mềm SPSS 21

Kết quả đánh giá thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha cho thấy các thang đo trong nghiên cứu đều đạt độ tin cậy chấp nhận được. Cụ thể, tất cả các thang đo đều có hệ số Cronbach's Alpha lớn hơn 0,7. Do đó không có biến nào bị loại bỏ ở bước kiểm định độ tin cậy. Kết quả kiểm định cho thấy các thang đo đều có độ nhất quán tốt, đủ điều kiện để đưa vào các phân tích tiếp theo như phân tích nhân tố khám phá (EFA) và hồi quy tuyến tính (OLS) nhằm kiểm định mô hình nghiên cứu.

3.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Bảng 3: Kết quả về chỉ số KMO và Bartlett's Test

KMO and Bartlett's Test		
Kaiser-Meyer-Olkin Measure of Sampling Adequacy.		0,827
Bartlett's Test of Sphericity	Approx. Chi-Square	418,722
	df	10
	Sig.	0,000

Nguồn: Phân tích từ phần mềm SPSS 21

Bảng 3 cho thấy kết quả kiểm định KMO và Bartlett cho thấy dữ liệu hoàn toàn phù hợp để tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA). Cụ thể, hệ số KMO đạt 0,827 thỏa mãn điều kiện $0,5 \leq KMO \leq 1,0$ theo thang đo của Kaiser. Đồng thời, kiểm định Bartlett's Test of Sphericity có giá trị Chi-Square là 418,722 với mức ý nghĩa Sig. = 0,000 ($< 0,05$), cho thấy ma trận tương quan giữa các biến khác biệt có ý nghĩa thống kê so với ma trận đơn vị. Như vậy, phân tích nhân tố là phù hợp với dữ liệu khảo sát 231 đáp viên.

Bảng 4: Ma trận thành phần xoay

Kí hiệu	Yếu tố					
	1	2	3	4	5	6
NTL4	0,789					
NTL5	0,780					
NTL1	0,758					
NTL3	0,733					
NTL2	0,729					
CSHT2		0,783				
CSHT3		0,764				
CSHT5		0,760				

Kí hiệu	Yếu tố					
	1	2	3	4	5	6
CSHT4		0,747				
CSHT1		0,729				
ALBN4			0,771			
ALBN2			0,770			
ALBN1			0,744			
ALBN3			0,714			
ALBN5			0,701			
KVLN1				0,750		
KVLN4				0,721		
KVLN3				0,711		
KVLN5				0,698		
KVLN2				0,696		
NLTC3					0,741	
NLTC2					0,707	
NLTC5					0,677	
NLTC1					0,667	
NLTC4					0,658	
NLTD3						0,735
NLTD2						0,695
NLTD1						0,687
NLTD4						0,681
NLTD5						0,676

Nguồn: Phân tích từ phần mềm SPSS 11

Bảng 4 cho thấy ma trận yếu tố đã xoay theo phương pháp rút trích và phương pháp xoay Promax. Kết quả cho thấy không có biến nào bị loại khỏi mô hình nghiên cứu.

3.4. Kết quả hồi quy

Bảng 5: Kết quả hồi quy của mô hình

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	0,147	0,211		0,702	0,483		
	NTL	0,281	0,031	0,321	7,719	0,000	0,731	1,380
	NLTC	0,116	0,042	0,113	2,689	0,005	0,829	1,230
	NLTD	0,155	0,041	0,152	3,741	0,000	0,828	1,206
	CSHT	0,238	0,034	0,281	6,779	0,000	0,772	1,298
	KVLN	0,085	0,040	0,086	2,096	0,036	0,779	1,285
	ALBN	0,136	0,039	0,141	3,576	0,000	0,845	1,171

Nguồn: Phân tích từ phần mềm SPSS 21

Kết quả bảng 5 cho thấy tất cả các nhân tố đều có tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê đến quyết định cấp tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại cổ phần niêm yết tại Việt Nam. Mô hình hồi quy như sau:

$$QD = 0,321*NTL + 0,113*NLTC + 0,152*NLTD + 0,281*CSHT + 0,086*KVLN + 0,141*ALBN + \epsilon$$

Trong đó, nhân tố có ảnh hưởng mạnh nhất là nhận thức lãnh đạo ($\beta = 0,321$), ảnh vai trò trung tâm của lãnh đạo ngân hàng trong việc xác lập định hướng phát triển bền vững. Nhận thức rõ ràng của

lãnh đạo về giá trị và vai trò của tín dụng xanh không chỉ góp phần tạo ra cam kết chiến lược mà còn truyền cảm hứng và định hướng cụ thể cho hệ thống triển khai. Tiếp theo, chính sách hỗ trợ ($\beta = 0,281$) là nhân tố tác động ảnh hưởng lớn thứ hai, cho thấy chính sách pháp lý giữ vai trò định hướng và thúc đẩy hành vi cấp tín dụng xanh, thông qua việc tạo hành lang pháp lý minh bạch, ưu đãi tài chính, và giảm thiểu rủi ro pháp lý cho tổ chức tín dụng. Theo sau là năng lực thẩm định ($\beta = 0,152$) cho thấy năng lực chuyên môn trong việc đánh giá các dự án xanh là yếu tố then chốt, bởi bản chất của tín dụng xanh thường gắn với các yếu tố phi tài chính như rủi ro môi trường và xã hội. Việc tăng cường đào tạo, cập nhật kiến thức ESG, chuẩn mực ISO môi trường, và công cụ đánh giá carbon footprint sẽ giúp cán bộ tín dụng tự tin hơn khi thẩm định dự án xanh.

Các nhân tố còn lại gồm Áp lực bên ngoài ($\beta = 0,141$), năng lực tài chính ($\beta = 0,113$) và kỳ vọng lợi nhuận ($\beta = 0,086$), cũng cho thấy mức ảnh hưởng đáng kể nhưng ở mức thấp hơn. Cụ thể, áp lực bên ngoài đo lường ảnh hưởng của quy định pháp lý, xu thế thị trường, và kỳ vọng của các nhà đầu tư. Kết quả cho thấy các áp lực bên ngoài có vai trò định hướng mạnh, buộc các ngân hàng điều chỉnh hành vi cấp tín dụng cho phù hợp với chuẩn mực ESG. Với khả năng tài chính, nhóm NHTMCPNY có năng lực tài chính tốt sẽ sẵn sàng chấp nhận các khoản vay xanh dài hạn, ít lợi nhuận hơn trong ngắn hạn nhưng hướng tới lợi ích bền vững. Cuối cùng là kỳ vọng lợi nhuận, quyết định phê duyệt tín dụng xanh vẫn chịu tác động bởi kỳ vọng lợi nhuận của các dự án xanh, tuy nhiên là nhân tố có tác động thấp nhất. Do đó, việc truyền thông rõ về lợi ích tài chính của tín dụng xanh (ví dụ như chi phí vốn rẻ hơn, rủi ro dài hạn thấp hơn, chính sách ưu đãi thuế...) là rất cần thiết để tăng tính hấp dẫn của sản phẩm tài chính xanh.

4. Kết luận và khuyến nghị

Thông qua khảo sát và sử dụng phương pháp phân tích hồi quy tuyến tính, kết quả cho thấy cả năm nhân tố: nhận thức lãnh đạo; năng lực tài chính; năng lực thẩm định; kỳ vọng lợi nhuận; chính sách pháp lý và áp lực từ bên ngoài đều có tác động cùng chiều và có ý nghĩa thống kê đến hành vi ra quyết định tín dụng xanh tại các NHTMCPNY ở Việt Nam. Và từ những kết quả

này, nghiên cứu đề xuất một số hàm ý chính sách thực tiễn quan trọng:

- Tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý liên quan đến tín dụng xanh, bao gồm việc ban hành tiêu chí xác định dự án xanh, các hướng dẫn thẩm định ESG, và cơ chế khuyến khích cụ thể về thuế, lãi suất, tái cấp vốn.

- Các NHTMCPNY cần tích cực xây dựng chiến lược tín dụng xanh mang tính dài hạn, có sự tham gia cam kết từ ban lãnh đạo, đồng thời thiết lập quy trình nội bộ phù hợp để hỗ trợ hoạt động thẩm định tín dụng bền vững.

- Cần đẩy mạnh đào tạo và nâng cao năng lực chuyên môn cho cán bộ tín dụng trong việc nhận diện, đánh giá và kiểm soát rủi ro môi trường và xã hội, và cuối cùng, vai trò của đạo đức nghề nghiệp cần được chú trọng trong hoạt động cấp tín dụng, nhằm đảm bảo các quyết định tín dụng không chỉ vì lợi nhuận tài chính mà còn gắn với trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững. Trong bối cảnh các áp lực từ biến đổi khí hậu, hội nhập ESG và chuẩn mực tài chính quốc tế ngày càng gia tăng, việc thiết lập một hệ thống cấp tín dụng có trách nhiệm, hài hòa giữa lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường đã trở thành yêu cầu mang tính chiến lược. Do đó, nâng cao nhận thức lãnh đạo, hoàn thiện chính sách pháp lý, đầu tư vào năng lực chuyên môn và đề cao đạo đức nghề nghiệp là những điều kiện tiên quyết để tín dụng xanh thực sự đi vào chiều sâu và đóng góp hiệu quả vào sự phát triển bền vững của hệ thống ngân hàng Việt Nam.

Tài liệu tham khảo:

- Nguyễn Quốc Huy (2023). Phát triển tín dụng xanh tại các ngân hàng thương mại Việt Nam, Luận án tiến sĩ, Trường đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh.
- Borgers, A. C. T., & Pownall, R. A. J. (2014). Attitudes towards socially and environmentally responsible investment. *Journal of Behavioral and Experimental Finance*, 1, 27-44.
- Campiglio, E. (2016). Beyond carbon pricing: The role of banking and monetary policy in financing the transition to a low-carbon economy. *Ecological Economics*, 121, 220-230.
- Christophers, B. (2017). Climate change and financial instability: risk disclosure and the Problematics of neoliberal governance, *Annals of the American Association of Geographers*, 107(5), 1108-1127.
- Koju, L., Koju, R. & Wang, S. (2018). Macroeconomic and bank-specific determinants of non-performing loans: evidence from the Nepalese banking system, *Journal of Central Banking Theory and Practice*, 7(3), 111-138.
- Li, Y., & Liu, W. (2023). Spatial effects of environmental regulation on high-quality economic development: from the perspective of industrial upgrading. *Frontiers in Public Health*, 11, 1099887.
- Mirza, N., Naqvi, B., Rizvi, S. A. R., & Umar, Z. (2023). Green financing and bank performance: Evidence from the SME credit portfolios in the BRICS economies. *Journal of Cleaner Production*, 387, 135837.
- OECD. (2017). *Investing in Climate, Investing in Growth*. OECD Publishing.
- UNEP FI. (2018). *Banking on sustainability: Risk-based ESG integration into bank credit processes*. United Nations Environment Programme Finance Initiative
- Zhang, H., Wang, Y., Li, R., Si, H., & Liu, W. (2023). Can green finance promote urban green development? Evidence from green finance reform and innovation pilot zone in China. *Environmental Science and Pollution Research*, 30, 12041-12058.